

Số:15/2024/QĐST-HNGĐ

Quảng Hoà, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 2 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Đàm Thị L, sinh năm 1986,

- *Bị đơn*: Hà Doãn H, sinh năm 1978;

Cùng trú tại: Xóm K, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng C, người đại diện theo pháp luật - ông Dương Quyết T; người đại diện theo ủy quyền - ông Đinh Phan T1, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Cao Bằng; người đại diện theo ủy quyền lại - bà Đặng Thị Ngọc L1, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55 và 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đàm Thị L và anh Hà Doãn H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đàm Thị L và anh Hà Doãn H thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị L và anh H có 01 con chung, sinh ngày 21/02/2004 (đã trưởng thành).

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Đàm Thị L và anh Hà Doãn H cùng xác nhận đang vay Ngân hàng Chính xã hội huyện Q số tiền 38.000.000 (*Ba mươi tám triệu đồng*); hai bên cùng thoả thuận trả nợ như sau:

+ Chị Đàm Thị L tự nguyện trả  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ Ngân hàng Chính xã hội huyện Q là 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng chẵn*). Xác nhận chị Đàm Thị L đã trả đủ Ngân hàng Chính xã hội huyện Q số tiền trên vào ngày 17/4/2024.

+ Anh Hà Doãn H tự nguyện trả  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ Ngân hàng Chính xã hội huyện Q là 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng chẵn*) và lãi xuất phát sinh kể từ ngày 24/4/2024.

+ Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C - bà Đặng Thị Ngọc L1 nhất trí với sự tự nguyện thoả thuận trả nợ của nguyên đơn và bị đơn đã nêu trên.

- *Về án phí*:

+ Chị Đàm Thị L và anh Hà Doãn H mỗi người phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000 đồng, chị L tự nguyện nộp thay phần anh H là 75.000 đồng, tổng cộng chị L nộp án phí ly hôn số tiền 150.000 đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002327 ngày 22/2/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, Cao Bằng. Chị L Đàm Thị L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 150.000 đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Anh Hà Doãn H tự nguyện chịu án phí trả nợ số tiền là 950.000đ (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- Tòa án, VKS tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Cai Bộ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phùng Thị Mến**